

Số: 394 TCT/DNNN
V/v: Thuế GTGT đối với
bán tài sản đảm bảo nợ
vay.

Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 2005

Kính gửi: Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh

Trả lời công văn số 12662/CT-DNNN2 ngày 19/11/2004 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh v/v thuế GTGT đối với tài sản đảm bảo nợ vay, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Theo quy định tại điểm 3, mục II Thông tư số 62/2002/TT-BTC ngày 18/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT đối với hoạt động xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ của các tổ chức tín dụng, thì: trường hợp tổ chức tín dụng nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm thì tổ chức tín dụng không phải xuất hóa đơn mà làm thủ tục chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm. Tài sản này khi tổ chức tín dụng bán ra không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT nhưng phần chênh lệch bán tài sản được hạch toán vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Căn cứ quy định trên, trường hợp sau khi chuyển quyền sở hữu tài sản bảo đảm nợ vay, thì tài sản này đã thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng. Nếu tài sản gắn nợ đã chuyển quyền sở hữu, đang chờ xử lý thì Ngân hàng sẽ hạch toán vào tài khoản 387 (hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng), sau khi xử lý sẽ ghi giảm khoản nợ tương ứng. Trường hợp Ngân hàng hạch toán vào tài sản cố định của mình tức là Ngân hàng đã xử lý tài sản này và sẽ ghi giảm khoản nợ tương ứng và ghi tăng TSCĐ. Do đó, khi Ngân hàng bán tài sản bảo đảm nợ vay (kể cả trường hợp đã hạch toán vào TSCĐ) thì tài sản đó không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, nhưng phần chênh lệch bán tài sản (nếu có) phải hạch toán vào kết quả kinh doanh để xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định trên.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh được biết. /.../

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: {VP (HC), DNNN (2b)}

KT/ TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Phó Tổng cục trưởng



Nguyễn Thị Cúc